

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2021
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hiền.

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện M, tỉnh L (**có mặt**).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Trung T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp C, xã T2, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Ngọc T trình bày: Vào năm 1999 bà với ông T1 tìm hiểu, thương yêu nhau và tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, thị xã K, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và lạnh nhạt nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà với ông T1 đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay, nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà T, ông T1 chung sống có 03 người con chung tên Huỳnh Tấn T3, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2001, giới tính: Nam; Huỳnh Tấn L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2003, giới tính: Nam và Huỳnh Thị Minh

Thư, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2008, giới tính: Nữ. Hiện tại người con chung tên Huỳnh Tấn T3 **đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn 02 người con tên HUỳnh Tấn L và Huỳnh Thị Minh T4 khi ly hôn bà T đồng ý tiếp tục giao** người con chung tên HUỳnh Tấn L **cho ông T1 trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà **trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Huỳnh Thị Minh T4. **Bà và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.**

Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T cam kết không có.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 25/02/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 06/TB-TA ngày 25/02/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 17/TB-TA ngày 17/3/2021 đã tổng đạt hợp lệ cho ông T1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T1 không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà T có đơn không tiến hành hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện M, tỉnh L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, con chung với ông Huỳnh Trung T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp C, xã T1, thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T1 không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi có Quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho ông T1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T1 không có mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn vắng mặt ông T1 là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Trần Thị Ngọc T với ông Huỳnh Trung T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Huỳnh Trung T1, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T với ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu,

quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà T, ông T1 chung sống có 03 người con chung tên Huỳnh Tấn T3, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2001, giới tính: Nam; HUỳnh Tấn L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2003, giới tính: Nam và Huỳnh Thị Minh T4, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2008, giới tính: Nữ. Hiện tại người con chung tên Huỳnh Tấn T3 **đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Còn 02 người con tên HUỳnh Tấn L và Huỳnh Thị Minh T4 khi ly hôn bà T đồng ý tiếp tục giao** người con chung tên HUỳnh Tấn L **cho ông T1 trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà **trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Huỳnh Thị Minh T4. **Bà và ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy, yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện** và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Mặt khác, từ ngày bà T và ông T1 sống ly thân đến nay ông T1 trực tiếp **nuôi dưỡng cháu** HUỳnh Tấn L, bà T trực tiếp **nuôi dưỡng cháu** Huỳnh Thị Minh T4 phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần bình thường như bao trẻ khác. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà T tiếp tục giao người con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2003 cho ông T1 **trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tiếp tục giao người con chung tên Huỳnh Thị Minh T4, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2008 cho bà T **trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà T cam kết không có.

[5] Đối với bị đơn ông Huỳnh Trung T1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều **84** của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T đối với ông Huỳnh Trung T1.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Ngọc T ly hôn với ông Huỳnh Trung Tính.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2003 cho ông Huỳnh Trung T1 **trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tiếp tục giao người con chung tên Huỳnh Thị Minh T4, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2008 cho bà Trần Thị Ngọc T **trực tiếp** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trần Thị Ngọc T và ông Huỳnh Trung T1 không phải cấp dưỡng nuôi con **cho nhau**.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009574 ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà T báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Huỳnh Trung Tính được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

